

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Z
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **219/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 08-12-2021
V/v tranh chấp yêu cầu chia tài
sản chung sau khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Thanh

Ông Nguyễn Hữu Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2021/QĐST-NHGD ngày 09 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Khối phố K, phường P, thành phố Z, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1978; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khối phố K, phường P, thành phố Z, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: Thôn Bình Trú 1, xã Bình Sa, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông Hồ Văn H đăng ký kết hôn vào năm 2011 và đã ly hôn theo Bản án số 269/2020/HNGĐ-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Quảng Nam, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Theo bản án, bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Hồ Văn H tạo lập được tài sản chung là

quyền sử dụng đất tại lô số: L4.44, tờ bản đồ số 00 (Theo Hồ sơ địa chính Cơ sở dữ liệu là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 55), diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: KDC Mới Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam tại phường P, thành phố Z theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 724807 do Ủy ban nhân dân thành phố Z cấp ngày 23-4-2009 đứng tên ông Lê Quang D, đăng ký biến động sang tên cho ông Hồ Văn H, bà Trần Thị T ngày 04-7-2014 cùng ngôi nhà là tài sản gắn liền với đất. Ngoài ra, bà và ông Hồ Văn H vay Ngân hàng chính sách huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam số tiền 20.000.000 đồng, đã trả lãi và gốc 1 phần là 927.443 đồng, còn lại 19.141.598 đồng. Số tiền vay còn lại 19.141.598 đồng bà T đã bỏ tiền cá nhân để thanh toán cho ngân hàng.

Nay bà T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại lô số: L4.44, tờ bản đồ số 00 (Theo Hồ sơ địa chính Cơ sở dữ liệu là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 55), diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: KDC Mới Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam tại phường P, thành phố Z theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 724807 do Ủy ban nhân dân thành phố Z cấp ngày 23-4-2009 đứng tên ông Lê Quang D, đăng ký biến động sang tên cho ông Hồ Văn H, bà Trần Thị T ngày 04-7-2014 cùng tài sản gắn liền với đất, đồng thời xem xét giải quyết số tiền 19.141.598 đồng mà bà đã bỏ ra thanh toán cho ngân hàng chính sách huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam trong vụ án này.

Hiện nay bà là người được giao trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con sau khi ly hôn với ông H. Hiện nay bà và hai con chỉ có ngôi nhà tại lô số: L4.44, tờ bản đồ số 00, diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: KDC Mới Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam tại phường P, thành phố Z, ngoài ra không có nhà ở nào khác, nên bà có nguyện vọng được nhận khối tài sản chung nhà và đất này, đồng thời bà thôi trả ½ giá trị cho ông H theo quy định của pháp luật.

- *Tại bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn ông Hồ Văn H trình bày:*

Trong thời kỳ hôn nhân ông và bà Trần Thị T tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất tại lô số: L4.44, tờ bản đồ số 00 (Theo Hồ sơ địa chính Cơ sở dữ liệu là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 55), diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: KDC Mới Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam tại phường P, thành phố Z theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 724807 do Ủy ban nhân dân thành phố Z cấp ngày 23-4-2009 đứng tên ông Lê Quang D, đăng ký biến động sang tên cho ông Hồ Văn H, bà Trần Thị T ngày 04-7-2014 cùng ngôi nhà là tài sản gắn liền với đất. Tuy nhiên, ông có nguyện vọng không chia tài sản trên mà muốn thừa kế toàn bộ tài sản này cho các con. Nhưng nếu bà T vẫn không rút yêu cầu khởi kiện, không muốn để tài sản này cho các con thì ông đồng ý theo nguyện vọng của bà T và ông sẽ về huy động tiền để thôi trả cho bà T 800.000.000 đồng để được sở hữu tài sản nhà và đất nêu trên. Tại các phiên hoà giải và làm việc tiếp theo ông H đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn và bị đơn không thoả thuận được cách giải quyết vụ án.

Về nợ chung: Ông có vay của Ngân hàng chính sách huyện Thăng Bình, tỉnh

Quảng Nam số tiền 20.000.000 đồng và đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 37, 38, 45, 59, 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T:

Giao cho bà Trần Thị T được quyền sở hữu: nhà xây dựng trên đất và quyền sử dụng đất tại thửa đất lô số: L4.44, tờ bản đồ số 00, (Theo CSDL mới là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 55) diện tích 100m² tại phường Hoà Hương, thành phố Z theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 724807 do Ủy ban nhân dân thành phố Z cấp ngày 23-4-2009.

Bà T có trách nhiệm bồi trả cho ông Hồ Văn H 50% phần giá trị nhà và đất sau khi trừ đi phần nợ chung mà bà T đã thanh toán cho ngân hàng chính sách huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có hộ khẩu thường trú tại phường P, thành phố Z, bà Trần Thị T và ông Hồ Văn H đã giải quyết ly hôn vào năm 2020 theo Bản án số 269/2020/HNGĐ-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Z nhưng chưa yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Sau khi ly hôn do không tự thỏa thuận chia tài sản chung được nên, bà Trần Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án hôn nhân gia đình, tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Z. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Quảng Nam thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tài sản chung: Bà Trần Thị T và ông Hồ Văn H tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất tại lô số: L4.44, tờ bản đồ số 00 (Theo Hồ sơ địa chính Cơ sở dữ liệu là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 55), diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: KDC Mới Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam tại phường P,

thành phố Z theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 724807 do Ủy ban nhân dân thành phố Z cấp ngày 23-4-2009 đứng tên ông Lê Quang D, đăng ký biến động sang tên cho ông Hồ Văn H, bà Trần Thị T ngày 04-7-2014 cùng ngôi nhà là tài sản gắn liền với đất. Quá trình giải quyết vụ án, bà T và ông H đều thừa nhận đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tài sản trên là tài sản chung của bà T và ông H nên việc bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại lô số: L4.44, tờ bản đồ số 00, diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: KDC Mới Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam tại phường P, thành phố Z theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 724807 do Ủy ban nhân dân thành phố Z cấp ngày 23-4-2009 đứng tên ông Lê Quang D, đăng ký biến động sang tên cho ông Hồ Văn H, bà Trần Thị T ngày 04-7-2014 cùng tài sản gắn liền với đất là có căn cứ theo Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ:

Thửa đất Lô số: L4.44, tờ bản đồ số 00 (Theo Hồ sơ địa chính Cơ sở dữ liệu là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 55), diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: KDC Mới Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam tại phường P, thành phố Z có tứ cận: Đông giáp lô L4.43, tây giáp Lô L4.45, nam giáp Lô L4.41, bắc giáp đường Đinh Công Tráng, loại đất ở đô thị. Tài sản gắn liền với đất: Nhà cấp 4, mái ngói, tường xây gạch, trụ BTCT, nền gạch men, diện tích 57,08m²; diện tích gác lửng đúc BTCT: 33,5m²; mái hiên xà gồ sắt, mái lợp tôn, nền gạch men; trụ cổng xây gạch (Trụ BTCT): 0,64m³; tường rào xây gạch: 2,002m³; cổng sắt: 4,8m².

Theo kết quả thẩm định giá thị trường:

Giá trị quyền sử dụng đất tại lô số: L4.44, tờ bản đồ số 00 (Theo Hồ sơ địa chính Cơ sở dữ liệu là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 55), diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: KDC Mới Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam tại phường P, thành phố Z và tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị là: 1.673.730.000 đồng, gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 100m² là 1.430.000.000 đồng.
- Tài sản gắn liền trên đất.

01 căn nhà ở, móng đá, khung dầm giằng, trụ bê tông cốt thép, sàn đúc, mái ngói, nền gạch men, diện tích 90,58 m², chất lượng còn lại 80%, thành tiền là 213.768.800 đồng.

Hiên: diện tích 42,5 m², chất lượng còn lại 80%, thành tiền là 23.800.000 đồng.

Tường rào, cổng ngõ: 01 cái, chất lượng còn lại 80%, thành tiền là 6.160.000 đồng.

Bà Trần Thị T không có ý kiến gì về kết quả thẩm định giá trên, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo kết quả thẩm định giá cho ông Hồ Văn H và ông Hồ Văn H không có ý kiến gì.

Xét về hoàn cảnh sống; công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung; quyền, lợi ích chính đáng của mỗi bên thấy rằng: Sau

khi ly hôn ông Hồ Văn H về sinh sống nhà cha mẹ ruột của mình tại Bình Trú 1, xã Bình Sa, huyện Thăng Bình. Hiện nay ông H đang công tác tại Trường tiểu học Nguyễn Văn Cừ thuộc xã Bình Minh huyện Thăng Bình, bà Trần Thị T là người được giao trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung (02 con chung đều dưới 18 tuổi), hiện nay bà T cùng các con đang sinh sống, làm việc, học tập tại thành phố Z, tỉnh Quảng Nam, bà T không có nơi ở nào khác. Cả bà T, ông H đều có nguyện vọng được nhận nhà và đất nêu trên.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Trần Thị T và ông Hồ Văn H đều có công sức đóng góp ngang nhau vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Tuy nhiên về nhu cầu nơi ở thực tế, việc đảm bảo nuôi dưỡng con chung thì việc giao tài sản chung là quyền sử dụng đất tại lô số: L4.44, tờ bản đồ số 00 (Theo Hồ sơ địa chính Cơ sở dữ liệu là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 55), diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: KDC Mới Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam tại phường P, thành phố Z có tứ cận: Đông giáp lô L4.43, tây giáp Lô L4.45, nam giáp Lô L4.41, bắc giáp đường Đinh Công Tráng, loại đất ở đô thị và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà ở, móng đá, khung dầm giằng, trụ bê tông cốt thép, sàn đúc, mái ngói, nền gạch men, diện tích 90,58 m²; hiên: diện tích 42,5 m²; tường rào, cổng ngõ cho bà Trần Thị T quản lý sử dụng là phù hợp, vừa đảm bảo cuộc sống ổn định, lợi ích của các con chưa thành niên vừa đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người trực tiếp nuôi con chung. Bà Trần Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hồ Văn H 50% giá trị đối với khối tài sản chung với số tiền 836.865.000 đồng.

[2.2] Về nợ chung: Cả ông H và bà T đều thừa nhận, trong thời kỳ hôn nhân có nợ chung tại Ngân hàng chính sách huyện Thăng Bình số tiền 20.000.000 đồng, sản phẩm vay: NSVSMT-Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn –Trung hạn-TW, quá trình vay vốn, ông H và bà T đã trả lãi và gốc một phần là 927.443 đồng, còn lại 19.141.598 đồng. Số tiền vay còn lại 19.141.598 đồng, sau khi ly hôn bà T đã bỏ tiền cá nhân để thanh toán xong cho ngân hàng. Theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trong đó vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản sau đây "...2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình". Tuy chỉ có ông H là người đứng tên vay vốn nhưng mục đích nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên cả bà T và ông H đều có trách nhiệm như nhau trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho Ngân hàng chính sách huyện Thăng Bình, bà T đã thanh toán số nợ chung còn lại 19.141.598 đồng, nên ông H phải có trách nhiệm trả lại cho bà T 50% số tiền trên là 9.570.799 đồng.

Như vậy, số tiền bà Trần Thị T phải thanh toán cho ông Hồ Văn H là 827.294.201 đồng (836.865.000 đồng - 9.570.799 đồng = 827.294.201 đồng).

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà Trần Thị T được chấp nhận, nên bà Trần Thị T và ông Hồ Văn H phải chịu án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

[4.] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 8.825.000 đồng, bà T đã nộp tạm ứng số tiền này và tại phiên tòa bà T yêu cầu

giải quyết theo quy định của pháp luật. Nên bà T và ông H mỗi bên chịu một nửa chi phí tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T đã nộp toàn bộ chi phí tố tụng nên ông H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.412.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; Các Điều 37, 38, 45, 59, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn ông Hồ Văn H về tranh chấp yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Giao cho bà Trần Thị T được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất tại lô số: L4.44, tờ bản đồ số 00 (Theo Hồ sơ địa chính Cơ sở dữ liệu là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 55), diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: KDC Mới Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Nam tại phường P, thành phố Z theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 724807 do Ủy ban nhân dân thành phố Z cấp ngày 23-4-2009 đứng tên ông Lê Quang D, đăng ký biến động sang tên cho ông Hồ Văn H, bà Trần Thị T ngày 04-7-2014 có tứ cận: Đông giáp lô L4.43, tây giáp Lô L4.45, nam giáp Lô L4.41, bắc giáp đường Đinh Công Tráng, loại đất ở đô thị và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà ở, móng đá, khung dầm giằng, trụ bê tông cốt thép, sàn đúc, mái ngói, nền gạch men, diện tích 90,58 m²; hiên: diện tích 42,5 m²; tường rào, cổng ngõ có giá trị là: 1.673.730.000 đồng. (Có Trích lục bản đồ địa chính kèm theo Bản án này).

Bà Trần Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hồ Văn H 50% giá trị tài sản chung là 836.860.000 (tám trăm ba mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi ngàn) đồng. Sau đi khấu trừ số nợ chung mà ông H có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 9.570.799 đồng, số tiền bà Trần Thị T phải thanh toán cho ông Hồ Văn H là 827.294.201 đồng.

2. Về chi chi tố tụng: Ông Hồ Văn H có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.412.500 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí chia tài sản chung sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 37.105.800 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001101 ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z, tỉnh Quảng Nam. Bà T còn phải nộp tiền án phí còn lại là 25.105.800 đồng.

Ông Hồ Văn H phải chịu án phí là 37.105.800 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08-12-2021). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Z;
- TAND tỉnh QN;
- Chi cục THADS TP Z;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Sương

Các Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bà Trần Thị T phải chịu 36.818.800đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001101ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z, tỉnh Quảng Nam. Bà T còn phải nộp tiền án phí còn lại là 24.818.800đồng.

Ông Hồ Văn H phải chịu án phí là 36.818.800đồng.

